




PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS:7722-84-1 Số UN:2014 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 5.1 Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Hydrogen Peroxide - H2O2			
- Tên thương mại: Hydrogen Peroxide - H2O2			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Cty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU 2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, HCM		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: SOLVAY PEROXYTHAI LTD., 16 th Fl. Wave Place, 55 Wireless Rd, 10330 Bangkok.			
- Mục đích sử dụng: khử trùng			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1	7722-84-1	H2O2	35-50%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm</p> <p>- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: • Không Dễ cháy , nhưng có thể đóng góp vào quá trình đốt cháy khác chất và gây ra phản ứng dữ dội và đôi khi bùng nổ .</p> <p>- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; • Có thể gây tử vong nếu nuốt phải</p> <p>- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.</p> <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <p>- Đường mắt; Ăn mòn, tẩy đỏ và sưng mí mắt.</p> <p>- Đường thở; Nghẹt thở.,</p> <p>- Đường da; Ăn mòn đối với các màng nhầy, da.</p> <p>- Đường tiêu hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> • nhọt nhạt và tím tái mặt. • kích thích nặng , nguy cơ bỏng và thủng đường tiêu hóa kèm theo sốc . • chất lỏng quá nhiều trong miệng và mũi, với nguy cơ nghẹt thở. • Nguy cơ cô hống, phù nề (chất lỏng trong phổi) và nghẹt thở. • Buồn nôn, nôn (máu) . • Ho . • Nguy cơ viêm phổi do hít thở sản phẩm .Gây ung thư 			
			
			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): mắt xả càng sớm càng tốt bằng dòng nước trong 15 phút ,trong khi vẫn giữ cho mi mắt mở .
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): rửa da bằng nước .
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Hít phải : Không đáng kể; Hủy bỏ các đối tượng từ các khu vực bị ô nhiễm, tham khảo ý kiến bác sĩ trong trường hợp có triệu chứng hô hấp.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Súc miệng bằng nước sạch, Nới lỏng quần áo cổ áo và chặt chẽ, đặt nạn nhân trên / bên trái của mình. • Oxy súc hô hấp nếu cần thiết. • Giữ ấm (chăn), hãy đến bệnh viện.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có) : Mắt: Theo lời khuyên của các bác sĩ nhãn khoa .
Da : điều trị thông thường cho bỏng .
Khi nuốt phải: • Liệu pháp oxy qua nội. Đặt nội khí quản . • Nếu cần thiết , khí quản . • Vị trí của ống thông dạ dày để giải phóng khí dạ dày. • Tránh nguy cơ rửa dạ dày thủng . • Trong trường hợp đau dữ dội : tiêm một loại thuốc morphomimetic IM (piritramide) trước khi đến bệnh viện . • Ngăn ngừa hoặc điều trị sốc và phù phổi . • tiêu hóa khẩn cấp nội soi với nguyện vọng của sản phẩm . • Điều trị bỏng đường tiêu hóa và ảnh hưởng kết quả.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) Không cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy** : • chất oxy hóa • Với chất lỏng dễ cháy • Với một số vật liệu
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...) Đánh lửa Nhiệt độ: Không cháy
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác** : Số lượng lớn nước , nước phun sương, Sơ tán tất cả các nhân viên, Can thiệp chỉ nên được thực hiện bởi những người được đào tạo và nhận thức được mỗi nguy hiểm của sản phẩm .
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:**
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có) , mặc đầy đủ bảo vệ phù hợp với khả năng kháng axit

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** dùng cát lấp phần nước hóa chất chảy
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** dung lượng lớn chất lỏng với cát hay đất lấp phần nước hóa chất chảy.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ: • Vận hành trong một khu vực thông gió tốt . • Tránh xa nguồn nhiệt . • Tránh xa các sản phẩm không tương thích. • Ngăn chặn tất cả các tiếp xúc với các chất hữu cơ . • Sử dụng thiết bị và đồ chứa đựng tương thích với chất này. • Trước khi tất cả các hoạt động , passivate các mạch đường ống và tàu . • Không bao giờ trả lại sản phẩm không sử dụng để bình dự trữ. • Đảm bảo cung cấp đủ nước có sẵn trong trường hợp xảy ra tai nạn . • Dụng cụ chứa và thiết bị được sử dụng để xử lý nước oxy già nên được sử dụng độc quyền cho hydrogen peroxide.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

- Lưu trữ ở nơi thông thoáng, mát mẻ .
- Tránh xa nguồn nhiệt .• Tránh xa các sản phẩm không tương thích .
- Tránh xa các chất dễ cháy .
- Giữ bình chứa trang bị van an toàn hoặc lỗ thông hơi.
- Giữ trong bao bì gốc, đóng cửa .
- Cung cấp ngăn chặn diking để lưu trữ các gói cài đặt và chuyển giao .
- Thường xuyên kiểm tra các điều kiện và nhiệt độ của thùng chứa

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) thông gió:• Cung cấp thông hơi địa phương .• Thực hiện theo các biện pháp bảo vệ được đưa ra trong phần trên .• Cung cấp thông hơi trong khu vực làm việc để giữ cho tiếp xúc bên dưới giới hạn áp dụng .

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt; Đeo kính bảo hộ cho tất cả các hoạt động công nghiệp . Nếu một nguy cơ bắn tung tóe tồn tại, đeo kính bảo hộ và tấm che mặt .
- Bảo vệ thân thể; : Tư vấn vệ sinh công nghiệp của bạn hoặc người quản lý an toàn cho việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với các điều kiện làm việc . NIOSH đầy đủ mặt nạ cung cấp không khí cho quá nhiều nồng độ .
- Bảo vệ tay; găng tay bảo vệ chống hóa chất làm bằng nhựa PVC hoặc cao su .
- Bảo vệ chân: Mang ủng.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:• Một rửa mắt và vòi sen an toàn phải được gần đó và sẵn sàng để sử dụng. • Sử dụng thực hành vệ sinh tốt khi xử lý sản phẩm này bao gồm cả thay quần áo làm việc sau khi sử dụng . • Không ăn , uống hoặc hút thuốc trong khu vực nơi mà vật liệu này được xử lý .

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (⁰ C) 125° C (H ₂ O ₂ 70%)
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy (⁰ C) : -40° C (H ₂ O ₂ 70%)
Mùi đặc trưng: Hơi cay	Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1 mbar (H ₂ O ₂ 50%) ở 30 ° C	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C):
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1 (H ₂ O ₂ 50%)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) chất oxy hóa
Độ hòa tan trong nước: 1,0 cho 50 % nước oxy già Bay hơi	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) chất oxy hóa
Độ PH: 2 (H ₂ O ₂ 50% ở 21° C)	Tỷ lệ hóa hơi Không có dữ liệu
Khối lượng riêng (kg/m ³) 1:1	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường với bản phát hành khí chậm.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy; Oxy , phân hủy phát hành hơi nước và nhiệt.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);

- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC 50	801-872 mg/kg (H ₂ O ₂ 60%)	Nuốt	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)	LC50, 4h	0.17 mg/l (H ₂ O ₂ 50%)	Hô hấp	Chuột
Thành phần 3 (nếu có)	LC50	2.000 mg/kg (H ₂ O ₂ 70%)	Da	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...):
• Hiệu ứng độc hại liên kết với tính chất ăn mòn.
• Ảnh hưởng gây ung thư ở động vật không chứng minh ở người.

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1	Cá	96h	LC50, 16.4 mg/l
Thành phần 2	Cá	96h	NOEC, 5mg/l

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày	31 49					

10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo) 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Thông tin trường hợp khẩn cấp:						
STT	Đơn vị huy động phối hợp	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại, phương tiện huy động		
1	Công ty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU	028.36200043				
2	Các cơ quan chức năng					
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2017						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU						